

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH HUNG YÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2025

"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH HUNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Minh Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Hòa**

2. Bà Đào Thị T Tuyền

- Thư ký phiên tòa: **Ông Phạm Văn Hiền** - Thư ký Toà án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: **Bà Đào Thị Quỳnh Mai** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2025/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1993.

HKT: Thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên; Địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Ngô Văn L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

"Vắng mặt lần 2 không có lý do"

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Ngô Lê Minh C, sinh ngày 20/8/2016.

- Cháu Ngô Lê Ngọc B, sinh ngày 05/9/2018.

- Cháu Ngô Lê Chí T, sinh ngày 27/8/2020.

"Đều vắng mặt lần 2 không có lý do"

Người đại diện hợp pháp cho các cháu C, B, T: Anh Ngô Văn L và chị Lê Thị Đ - Là bố, mẹ đẻ các cháu đều vắng mặt.

Người làm chứng:

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1960 "*Vắng mặt*".

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1964 "*Vắng mặt*".

Địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Lê Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn L quen biết qua mạng tìm hiểu được khoảng gần một năm thì tiến tới hôn nhân. Chị và anh L có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên vào ngày 14/02/2016 và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục chung. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống cùng với bố mẹ anh L tại thôn Đ, xã C, huyện T. Đến năm 2018 thì xây nhà riêng trên đất của bố mẹ anh L ra ăn ở riêng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được gần 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do anh L chơi bời dẫn đến nợ nần ảnh hưởng rất lớn tới kinh tế gia đình. Gia đình anh L cũng đã hỗ trợ chi trả nợ cho anh L. Năm 2018 vợ chồng làm nhà cũng đã thống nhất anh L đi làm lấy tiền trả nợ còn lương của chị thì chi tiêu gia đình nhưng trong suốt thời gian qua lúc nào gia đình cũng như anh L đều vin vào trả nợ mà không có trách nhiệm gì cùng với chị để chi tiêu sinh hoạt gia đình, nuôi con cái ăn học. Vợ chồng liên tục xảy ra xô xát cãi nhau và có những thời gian hàng tháng không nói gì với nhau. Vợ chồng mâu thuẫn bố mẹ chồng, em chồng chị đều biết, phải sang can và được gia đình khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không được. Bản thân anh L nhiều lần giục chị làm thủ tục ly hôn nhưng chị nghĩ vì các con nên cũng đã cố gắng, nín nhịn và duy trì hôn nhân nhưng không được, chị về nhà bố mẹ để ở từ giữa năm 2024 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh L không hề sang nói chuyện cũng như có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà chỉ nhắn tin nói chấp nhận cho chị về để nuôi con một lần nữa. Đến nay chị không thể chấp nhận cuộc sống hôn nhân như hiện tại khi vợ chồng không có tình yêu cũng như trách nhiệm dành cho nhau, chị xác Đ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên là Ngô Lê Minh C, sinh ngày 20/8/2016, Ngô Lê Ngọc B, sinh ngày 05/9/2018 và Ngô Lê Chí T, sinh ngày 27/8/2020. Ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi cháu C còn để anh L nuôi cháu B và cháu T vì nhà cửa hiện tại anh L đang sử dụng còn chị vẫn đang ở nhà của bố mẹ đẻ. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ngô Văn L: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện T đã gửi thông báo thụ lý vụ án, tiến hành giao giấy triệu tập số 46 ngày 24/3/2025 báo anh L đúng 08 giờ ngày 28/3/2025, giấy triệu tập số 23 ngày 09/4/2025 báo anh L đúng 08 giờ ngày 11/4/2025 và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 23/TB-TA ngày

09/5/2025 đúng 08 giờ ngày 16/5/2025 có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện đề Tòa tiến hành việc lấy lời khai, mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Ngô Lê Minh C trình bày: Cháu có chứng kiến bố mẹ cãi đánh nhau. Cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ, bố đồng ý cho cháu ở với mẹ.

Người làm chứng bà Trần Thị L là mẹ đẻ của anh L trình bày: Sau khi đăng ký kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vợ chồng anh L chị Đ về chung sống cùng gia đình bà được khoảng 2 năm thì gia đình cho vợ chồng ra ở riêng trên đất của gia đình. Bà không biết lý do cụ thể nào khi ra ở riêng vợ chồng anh L, chị Đ thường xuyên xảy ra cãi nhau, thỉnh thoảng chị Đ lại về ngoại ở, khi biết vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gia đình bà có nói chuyện với thông gia để khuyên bảo, nhưng chỉ được một thời gian lại đầu vào đó và không có thay đổi, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế không có sự rõ ràng liên tục xảy ra cãi nhau, chị Đ coi thường anh L, không có sự tôn trọng gia đình chồng. Đến tháng 5 năm 2024 chị Đ lại về nhà ngoại ở, gia đình bà đã khuyên bảo anh L nên nói chuyện, xin phép ông bà thông gia để đón chị Đ về nhưng anh L không đồng ý, do chị Đ quá quắt. Do vậy, trước việc chị Đ anh L có ly hôn hay không là do anh chị tự quyết định. Nếu chị Đ cương quyết ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Người làm chứng bà Đoàn Thị H là mẹ đẻ của chị Đ trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng anh L, chị Đ nhiều lần xảy ra mâu thuẫn đánh cãi nhau, nguyên nhân do anh L chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Gia đình bà khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không được. Khoảng tháng 5 năm 2024, chị Đ đã về nhà bà ở cho đến nay. Trong thời gian chị Đ ở cùng gia đình bà, anh L cũng như gia đình anh L không đến hoặc gọi điện cho gia đình bà để nói chuyện về vợ chồng anh L chị Đ. Nay chị Đ có đơn xin ly hôn anh L, gia đình bà không mong muốn anh chị ly hôn nhưng đây là quyết Đ của chị Đ và anh L, gia đình bà không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xác minh tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên được biết: Chị Đ và anh L có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 14/02/2016, tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên theo giấy kết hôn số 13/2016. Hôn nhân của chị Đ, anh L là hoàn toàn tự nguyện, được đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, Sau khi kết hôn vợ chồng anh L chị Đ về ở cùng bố mẹ anh L tại thôn Đ, xã C. Theo địa phương được biết vợ chồng anh L chị Đ có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện tại chị Đ không còn chung sống cùng anh L mà đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng anh L, chị Đ có 03 con chung là cháu Ngô Lê Minh C, sinh ngày 20/8/2016, Ngô Lê Ngọc B, sinh ngày 05/9/2018 và Ngô Lê Chí T, sinh ngày 27/8/2020.

Tại phiên tòa ngày 12/6/2025, vắng mặt anh Ngô Văn L không có lý do nên HĐXX đã quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh L được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của các đương sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Đ, xử cho chị Lê Thị Đ được ly hôn với anh Ngô Văn L.

- Về con chung: Giao cháu Ngô Lê Minh C, sinh ngày 20/8/2016 cho chị Lê Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Giao hai cháu Ngô Lê Ngọc B, sinh ngày 05/9/2018 và Ngô Lê Chí T, sinh ngày 27/8/2020 cho anh Ngô Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu B, T đủ 18 tuổi. Chị Đ và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Chị Đ và anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, nguyên đơn và bị đơn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết. Sau này nếu anh L có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung thì sẽ được xem xét bằng một vụ án khác.

- Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1]. Về tố tụng: Chị Lê Thị Đ khởi kiện xin ly hôn anh Ngô Văn L có hộ khẩu thường trú tại xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Chị Lê Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Ngô Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa ngày 12/6/2025 nên Tòa án nhân dân huyện T đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-HNGĐ, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 27/6/2025. Anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Đ và anh L.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Đ và anh Ngô Văn L có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên vào ngày 14/02/2016, trên cơ sở tự nguyện. Do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được gần 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do anh L chơi bời dẫn đến nợ nần ảnh hưởng rất lớn tới

kinh tế gia đình. Anh L vin vào trả nợ mà không có trách nhiệm gì cùng với chị Đ để chi tiêu sinh hoạt gia đình, nuôi con cái ăn học. Vợ chồng liên tục xảy ra xô sát cãi nhau và có những thời gian hàng tháng không nói gì với nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng được gia đình khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, anh L nhiều lần giục chị Đ làm thủ tục ly hôn nhưng do vì các con nên chị Đ cũng đã cố gắng, nín nhịn và duy trì hôn nhân nhưng anh L không thay đổi được. Chị Đ về nhà bố mẹ đẻ ở từ giữa năm 2024 cho đến nay, vợ chồng không có tình yêu cũng như trách nhiệm dành cho nhau. Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cương quyết xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Anh L đã nhận được các văn bản tố tụng nhưng cố tình không đến làm việc theo lịch của Tòa án. HĐXX thấy rằng tình cảm vợ chồng anh chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị Đ là có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đ được ly hôn với anh L.

[3]. Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Ngô Lê Minh C, sinh ngày 20/8/2016, Ngô Lê Ngọc B, sinh ngày 05/9/2018 và Ngô Lê Chí T, sinh ngày 27/8/2020. Hiện nay cả ba cháu đang ở với cùng anh L, cháu C xin được ở với chị Đ. Ly hôn chị Đ có nguyện vọng xin được nuôi cháu C, còn để anh L nuôi hai cháu B và T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu C. Nên HĐXX giao cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu C kể từ tháng 7 năm 2025 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cho anh L trực tiếp dưỡng cháu B, T kể từ tháng 7 năm 2025 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên HĐXX không giải quyết. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong quá trình chị Đ, anh L nuôi con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy Đ của pháp luật.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, không tiến hành lấy lời khai của anh L về tài sản chung của vợ chồng, nên về tài sản HĐXX không giải quyết trong vụ án này, khi nào các đương sự có yêu cầu tranh chấp về tài sản chung, Tòa án sẽ xem xét giải quyết.

Đề nghị của đại Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX chấp nhận.

[5]. Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Đ.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Đ được ly hôn anh Ngô Văn L.

2. *Về nuôi con chung*: Anh chị có 03 con chung là cháu Ngô Lê Minh C, sinh ngày 20/8/2016, Ngô Lê Ngọc B, sinh ngày 05/9/2018 và Ngô Lê Chí T, sinh ngày 27/8/2020.

Giao cháu Ngô Lê Minh C, sinh ngày 20/8/2016 cho chị Lê Thị Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 7 năm 2025 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Giao 02 cháu Ngô Lê Ngọc B, sinh ngày 05/9/2018 và Ngô Lê Chí T, sinh ngày 27/8/2020 cho anh Ngô Văn L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 7 năm 2025 cho đến khi các cháu B, T đủ 18 tuổi.

Chị Đ, anh L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đ không đề nghị, nên không xem xét.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Đ không đề nghị nên không xem xét giải quyết. Sau này nếu anh L có yêu cầu về tài sản chung thì sẽ được xem xét bằng một vụ án khác.

4. *Về án phí*: Chị Lê Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001119 ngày 17/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị Đ đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự, đại diện hợp pháp cho người chưa thành niên biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã C
- (Đăng ký số 13/2016
- Phòng KTNV TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Ngọc